

QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN QUỐC GIA CỦA NGƯỜI KHƠ-ME VÙNG NAM BỘ

VŨ ĐÌNH MỜ

1. Giới thiệu

Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia (QHDTXQG) không phải là hiện tượng mới ở nước ta, nó đã diễn ra từ lâu trong lịch sử; tuy nhiên, kể từ Đổi mới (1986) đến nay, mối quan hệ này đã có những biến đổi nhanh chóng, với mức độ ngày càng gia tăng và có những diễn biến khá phức tạp, tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế - xã hội, chính trị, và an ninh quốc phòng nước ta. Người Khơ-me ở Nam Bộ được coi là một trong những tộc người thiểu số có hoạt động xuyên quốc gia mạnh nhất ở nước ta (Taylor, 2008, tr. 18-23), đặc biệt là trong mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới - chủ thể của nhà nước Campuchia láng giềng và các cộng đồng người Khơ-me ở các nước khác trên thế giới, như ở Mỹ, Pháp, Úc, Canada. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu về QHDTXQG ở người Khơ-me Nam Bộ là hết sức cần thiết nhằm nhận diện những tác động tích cực và tiêu cực của nó đối với đời sống kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng ở khu vực và nước ta.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh lịch sử và tư liệu khảo sát thực địa, bài viết này tập trung vào những nét cơ bản về thực trạng, các động thái QHDTXQG ở người Khơ-me vùng Nam Bộ, nhận diện và phân tích các nhân tố chính tác động đến mối quan hệ này, và sự tác động trở lại của nó đối với sự phát

triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng vùng Nam Bộ nói riêng và nước ta nói chung.

2. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa

Các nghiên cứu gần đây cho thấy, kể từ cuối những năm 1980, khi chiến tranh lạnh kết thúc, dưới tác động của toàn cầu hóa và các thỏa thuận liên kết song phương, đa phương, đã có sự bùng phát các hoạt động thương mại, đầu tư và di dân xuyên quốc gia. Cùng với đó là sự tái lập các dạng thức bản sắc xã hội, các mối quan hệ truyền thống về xã hội, văn hóa và tôn giáo của các cộng đồng tộc người ly tán trong lịch sử, nhất là ở các khu vực vùng biên (Walker, 2009, tr. 102-104). Do vị trí địa lý, đặc thù lịch sử hình thành quốc gia - dân tộc khác nhau, nên vấn đề QHDTXQG ở các nước, khu vực cũng có những tính chất khác nhau. Ở các nước đa chủng tộc và văn hóa như Mỹ chẳng hạn, vấn đề nổi lên trong QHDTXQG thường gắn với các nhóm di dân nhập cư với tư cách là công dân nhưng có cuộc sống mang tính chất xuyên quốc gia, tập trung vào các mối quan hệ, ràng buộc giữa các nhóm di dân nhập cư này với cố quốc của họ (Schiller và cộng sự, 1995). Trong khi đó, ở các nước Đông Nam Á, quá trình thiên di liên tục trong lịch sử xuất phát từ nhiều nguyên nhân như mưu sinh, chiến tranh, xung đột, bệnh dịch... đã tạo ra một cảnh

quan phức hợp, đan xen về địa lý - tộc người ở khu vực này (Nguyễn Duy Thiệu, 2003, tr. 139-142). Đến thời kỳ hình thành quốc gia - dân tộc, biên giới giữa các nhà nước hầu hết được thiết lập bằng các thỏa thuận giữa các thế lực thực dân. Các cuộc chiến tranh, xung đột, nhất là chiến tranh xâm lược của Pháp và Mỹ tiến hành ở bán đảo Đông Dương cũng tạo ra những biến động lớn về mặt dân cư dân tộc ở khu vực này và gây ra hàng loạt các cuộc di cư, tị nạn chính trị (nhất là thời hậu chiến) của một số tộc người từ khu vực này đến Pháp, Mỹ và các nước đồng minh. Như vậy, QHDTXQG ở khu vực cũng như ở nước ta có hai luồng quan hệ cơ bản: quan hệ giữa các cộng đồng tộc người ở nước ta với (1) các cộng đồng tộc người ở quốc gia láng giềng và (2) cộng đồng tộc người ở nước thứ ba - những nước không có chung đường biên giới. Trong bối cảnh đó, QHDTXQG ở người Khơ-me vùng Nam Bộ cũng mang những nét chung, tuy nhiên nó cũng có những đặc thù riêng. Đặc biệt, người Khơ-me là một tộc người thiểu số ở nước ta nhưng đồng tộc của họ là chủ thể của Nhà nước Campuchia láng giềng.

3. Vài nét về quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở người Khơ-me vùng Nam Bộ

3.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội

Hiện nay, ngoài Campuchia (chính quốc của họ với khoảng 14 triệu người), người Khơ-me còn sinh sống tại hàng chục nước trên thế giới. Ở Việt Nam, theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Khơ-me có tổng dân số 1.260.640 người; phần lớn cư trú tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (1.183.470 người, chiếm 94%), chỉ đứng sau người Việt ở khu vực

này, tập trung nhiều nhất tại các tỉnh Sóc Trăng (397.014 người), Trà Vinh (317.203 người), Kiên Giang (210.899 người), An Giang (90.271 người) (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương, 2009, tr. 116-134).

Cùng với người Việt và người Hoa, người Khơ-me là một trong những nhóm cư dân có mặt sớm nhất ở ĐBSCL, có những đóng góp quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của khu vực năng động này. Với người Khơ-me, canh tác lúa nước và Phật giáo Nam Tông (Theravada) là nền tảng cấu thành và chi phối mọi mặt đời sống của họ. Trong văn hóa của người Khơ-me, Phật giáo chính là hồn là cốt; vì vậy, nhiều nghiên cứu cho rằng văn hóa Khơ-me là văn hóa Phật giáo (Phan An, 2012, tr. 227). Cho đến nay, phần lớn người Khơ-me đều chủ yếu sống bằng nghề nông. Hoạt động buôn bán dịch vụ được coi là nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế tăng thu nhập, nhưng hoạt động này rất hạn chế. Cũng vì vậy, người Khơ-me Nam Bộ thường tập trung sinh sống ở khu vực nông thôn, xung quanh những ngôi chùa, thành các cụm dân cư riêng mà ở đó hầu hết các hộ gia đình có quan hệ họ hàng thân thuộc (xem Vũ Đình Mười, 2014).

Trong những năm vừa qua, mặc dù được sự hỗ trợ từ hàng loạt các chương trình dự án, chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước, của các tổ chức trong và ngoài nước, tỷ lệ đói nghèo ở người Khơ-me còn rất cao. Sự bất ổn trong sinh kế là nguyên nhân chủ yếu khiến cho số lượng người Khơ-me di cư tìm kiếm việc làm tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Họ không chỉ tới các đô thị, trung tâm kinh tế trong nước mà còn sang cả Campuchia để mưu sinh (Ngô

Phuong Lan, 2013; Taylor, 2007; Phan Đức Dư, 2001, tr. 133-135).

3.2. Các biến động về quá trình tộc người và thành phần dân cư trong lịch sử

Khi xem xét QHDTXQG ở người Khơ-me vùng Nam Bộ hiện nay không thể không nhắc đến những biến động về thành phần dân cư trong lịch sử. Nhiều nghiên cứu cho rằng, những nhóm nhỏ di dân người Khơ-me đã có mặt khá sớm và cư trú rải rác ở ĐBSCL; tuy nhiên, cho đến khi theo chân người Việt và người Minh Hương đến khai phá ĐBSCL từ giữa thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, các cộng đồng người Khơ-me đông đảo mới hình thành một cách rõ nét (xem Vũ Đình Mười, 2014). Trong suốt quá trình lịch sử, dù có lúc thăng lúc trầm, các mối quan hệ họ hàng, đồng tộc hòa quện với tôn giáo giữa người Khơ-me khu vực này và đồng tộc ở Campuchia luôn luôn hiện diện.

Trong thời kỳ Mỹ - ngụy (1954 - 1975), nhằm trốn tránh quân địch, hàng chục ngàn đàn ông Khơ-me được đưa vào chùa trú ẩn dưới hình thức đi tu; trong đó, một phần không nhỏ được gửi sang tu học tại các chùa ở Campuchia (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2003; Vũ Đình Mười, 2006, tr. 16, 60). Khi miền Nam được giải phóng (1975), chỉ tính riêng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (cũ)¹ số đối tượng ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái người Khơ-me tan rã tại chỗ là 14 ngàn; trong đó, có khoảng 3 ngàn đối tượng chạy ra nước ngoài. Nếu tính tất cả các khu vực có người Khơ-me sinh sống ở Nam Bộ, con số này sẽ rất lớn. Trong các phần tử trốn chạy ra nước ngoài, một số sống tị nạn ở các

nước phương Tây, một số khác sống lưu vong ở Campuchia và nhiều đối tượng sau đó trở thành những nhân sự cốt cán trong bộ máy chính quyền, đảng phái, hội nhóm ở nước này (Phan Đức Dư, 2001, tr. 19-22). Trong thời kỳ Khơ-me Đỏ (1975-1979), để tránh nạn diệt chủng, ước tính có tới 150.000 người Khơ-me ở Campuchia vượt biên giới chạy sang Việt Nam tị nạn (<http://countrystudies.us/cambodia/40.htm>). Chiến tranh biên giới Tây Nam Bộ trong thời gian này cũng gây nhiều xáo trộn các cộng đồng người Khơ-me ở khu vực vùng biên nước ta. Một phần vì kinh tế khó khăn, phần khác do bị lôi kéo và kích động, kể từ khi Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết (10/1991) cho đến tháng 4/1995, ước tính có khoảng 28.000 lượt người Khơ-me (chủ yếu ở vùng Nam Bộ) qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia, và chỉ khoảng một nửa trong số đó quay trở lại Việt Nam (Phan Đức Dư, 2001, tr. 133-134). Những luồng di dân qua lại nêu trên tạo nên nhiều biến động và xáo trộn trong thành phần dân cư, gây bất ổn định an ninh trật tự xã hội ở khu vực người Khơ-me sinh sống và là nhân tố khiến cho QHDTXQG ở người Khơ-me trở nên cực kỳ phức tạp, khó lường, và luôn có sự đan xen, hòa trộn các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà khó có thể phân định, nhận diện một cách rạch ròi.

3.3. Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở người Khơ-me

Kể từ Đổi mới (1986) đến nay, chủ trương mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách của Đảng và Nhà nước ta cùng sự cải thiện và phát triển không ngừng cơ sở hạ tầng về giao thông, thông tin liên lạc và dịch

¹ Tỉnh Hậu Giang cũ tương đương với 3 đơn vị hành chính ngày nay là TP. Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng.

vụ tài chính, đã thúc đẩy QHDTXQG ở nước ta nói chung ngày càng gia tăng cả về cường độ và quy mô.

Trong bối cảnh nêu trên, QHDTXQG ở người Khơ-me Nam Bộ cũng có những chuyển biến nhanh chóng. Có thể nói, ngoài đồng tộc họ hàng bên kia biên giới, người Khơ-me ở đây còn có khá nhiều thân tộc ở các nước thứ ba, đặc biệt ở các nước phương Tây. Mối quan hệ của họ với các cộng đồng này trước đây vốn bị hạn chế do nhiều lý do như chính sách, khoảng cách địa lý, khó khăn về phương tiện..., nay đã có sự kết nối trở lại và tần suất cũng tăng lên. Ngoài thăm viếng trực tiếp, việc trao đổi qua lại qua các phương tiện thông tin như internet, điện thoại cũng trở nên phổ biến. Ở khu vực này, trong những năm gần đây, thông qua mối quan hệ thân tộc với các cộng đồng ở hải ngoại, các hộ gia đình Khơ-me đã nhận được sự trợ giúp khá nhiều, nhất là về mặt tài chính. Trường hợp người Khơ-me ở xã Hòa Lợi (huyện Châu Thành, Trà Vinh) là một ví dụ.

Số liệu thống kê sơ bộ ở xã Hòa Lợi cho thấy, không kể số anh em họ hàng ở Campuchia, hiện có 76 hộ có thân nhân ở các nước thứ ba với tổng số 180 người; trong đó nhiều nhất là ở Mỹ (120 người), Canada (24 người), Anh (7 người), Úc (7 người), Pháp (5 người) (UBND xã Hòa Lợi, 2011). Theo cán bộ địa phương, những năm gần đây việc thăm viếng của những thân nhân này khá phổ biến, và họ cũng thường xuyên gửi tiền về trợ giúp các hộ gia đình Khơ-me trên địa bàn xã. Ngoài ra, những Việt kiều gốc Khơ-me này còn cung tiến, hỗ trợ tài chính cho việc tu bổ, xây dựng cơ sở vật chất ở các chùa; và tài trợ cho các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng người

Khơ-me địa phương. Cũng theo cán bộ địa phương, hiện tượng hôn nhân giữa người Khơ-me ở xã, chủ yếu là nữ, với đồng tộc ở các nước thứ ba, đặc biệt là Mỹ và Canada gần đây cũng khá phổ biến; mỗi năm có khoảng 4-5 trường hợp; sau khi kết hôn, các cặp vợ chồng này thường định cư ở nước ngoài. Có một đặc điểm khá rõ là việc hỗ trợ kinh tế ở đây chủ yếu là hỗ trợ trực tiếp bằng vật chất hoặc tiền mặt, không có hoạt động đầu tư, liên kết về sản xuất và kinh doanh. Trên thực tế, thông qua việc hỗ trợ tài chính, tiếng nói của những Việt kiều gốc Khơ-me cũng có những ảnh hưởng nhất định và gây ra tư tưởng vọng ngoại ở người dân địa phương.

Ở khu vực biên giới Tây Nam tiếp giáp với Campuchia, người Khơ-me sinh sống tập trung ở hai tỉnh An Giang và Kiên Giang. So với người Khơ-me khu vực nội địa, hoạt động kinh tế của người Khơ-me ở đây đa dạng hơn, từ trồng trọt, chăn nuôi gia súc gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, làm thuê cho đến buôn bán. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của hoạt động biên mậu những năm gần đây, có khá nhiều người Khơ-me tham gia hoạt động kinh tế vùng biên như buôn bán ở các chợ cửa khẩu, chợ biên giới, bốc vác thuê, chở hàng và bán hàng thuê. Do khoảng cách khá gần, việc đi lại thuận tiện, nhiều người Khơ-me còn sang bên kia biên giới làm thuê, thu gom nông sản, thủy sản về bán; thậm chí có một số hộ (nhất là những hộ thiếu đất canh tác) sang Campuchia thuê đất để canh tác (Nguyễn Văn Thắng, 2011; Vương Xuân Tình, 2012; Bùi Xuân Đính và Nguyễn Ngọc Thanh, 2013, tr. 47-64). Cùng với đó, các mối quan hệ giữa người Khơ-me với đồng tộc bên kia

biên giới cũng diễn ra thường xuyên hơn và có mức độ ngày càng tăng lên, biểu hiện rõ nhất là về mặt xã hội, văn hóa và tôn giáo.

Nghiên cứu của chúng tôi tại ấp Xá Xía (xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, Kiên Giang) cho thấy mối quan hệ giữa người Khơ-me ở đây với đồng tộc bên kia biên giới khá gần gũi, được thể hiện trên hầu hết tất cả các mặt từ kinh tế, xã hội, văn hóa đến chính trị, mặc dù mức độ có khác nhau. Trong đó, nổi bật nhất là các mối quan hệ về thân tộc và hôn nhân. Khảo sát của chúng tôi cho thấy có trên 40% số hộ Khơ-me được điều tra có quan hệ huyết thống và có 34% số hộ có quan hệ hôn nhân với đồng tộc ở Campuchia².

Trước Đổi mới (1986), đã có một bộ phận nhỏ người Khơ-me địa phương do đời sống khó khăn đã sang bên kia biên giới làm ăn, chủ yếu làm thuê và buôn bán nhỏ; một số trở về, một số khác định cư luôn ở Campuchia. Sau Đổi mới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về trao đổi buôn bán ở vùng biên, thủ tục qua lại dễ dàng, số lượng người Khơ-me sang bên kia biên giới ngày càng tăng. Trong quãng thời gian từ năm 1987 đến năm 2006³, có khá nhiều người Khơ-me ở đây sang bên kia buôn bán theo hình thức nhỏ lẻ, tiểu ngạch. Họ thu gom các loại hàng hóa như cá khô, hoa quả, lương thực và lâm sản về bán lại ở Việt Nam. Số lượng người sang bên kia biên giới làm thuê và tham gia bốc vác, chuyên chở thuê hàng hóa (trong đó

có cả vận chuyển hàng lậu qua đường dân sinh) ở khu vực cửa khẩu có chiều hướng gia tăng. Với tiền công khoảng trên dưới 100.000 đồng/ngày, công việc bốc vác, chở hàng hóa thuê khá hấp dẫn đối với nhiều người Khơ-me nghèo, đặc biệt là thanh niên ở địa phương. Nhìn chung, mặc dù có mối quan hệ thân tộc và hôn nhân gần gũi, nhưng quan hệ về mặt kinh tế giữa người Khơ-me ở đây với đồng tộc bên kia biên giới khá mờ nhạt và ít hiệu quả; chỉ dừng lại ở việc trợ giúp nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin về việc làm; không hình thành nên mạng lưới liên kết làm ăn buôn bán vốn khá phổ biến ở các cộng đồng người Hoa hay người Chăm láng giềng. Điều này có lẽ là do thói quen làm ăn tự cấp tự túc và nhỏ lẻ, cùng với tâm lý không coi trọng người buôn bán ở người Khơ-me nói chung; và do đa phần những người sang Campuchia làm ăn là những người đi làm thuê và buôn bán nhỏ. Vì vậy, các mối quan hệ của người Khơ-me địa phương với đồng tộc bên kia biên giới chủ yếu dựa trên nền tảng tình cảm và văn hóa tộc người.

Trong những năm gần đây, các quan hệ trao đổi qua lại biên giới đã làm gia tăng mối quan hệ hôn nhân giữa người Khơ-me địa phương với đồng tộc ở Campuchia. Đa số các cuộc hôn nhân này nảy sinh trong quá trình làm thuê, buôn bán ở Campuchia những năm gần đây. Điều tra của chúng tôi cho thấy, mặc dù có 70% các cuộc hôn nhân có đăng ký kết hôn, nhưng việc cư trú của một số cặp vợ chồng này không cố định, thường di chuyển giữa hai bên. Do điều kiện giáo dục ở Việt Nam tốt hơn nên có một số cặp vợ chồng có vợ là người Khơ-me địa phương, để con ở địa phương cho vợ chăm

² Người Khơ-me ở đây cũng có quan hệ hôn nhân với người Việt và Hoa nhưng tỷ lệ ít hơn nhiều. Điều tra của chúng tôi tại ấp này cho thấy chỉ có khoảng 8% hộ người Khơ-me có quan hệ hôn nhân với người Việt và 7% với người Hoa.

³ Năm nước ta gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), tổ chức mà Campuchia đã là thành viên chính thức năm từ năm 2004.

sóc, chồng tiếp tục làm ăn ở Campuchia. Tình trạng cư trú không ổn định, không rõ ràng về quốc tịch đã gây ra ít nhiều xáo trộn trong đời sống xã hội của các cộng đồng cư dân địa phương. Nó cũng đã gây ra nhiều khó khăn và phức tạp cho việc quản lý nhân khẩu, hộ tịch của chính quyền địa phương.

Sự gia tăng trong quan hệ hôn nhân cũng kéo theo sự mở rộng trong mối quan hệ về thân tộc. Việc duy trì và củng cố các mối quan hệ này thường thông qua các chuyến viếng thăm qua lại lẫn nhau vào các dịp lễ tết hay hiếu hỉ. Khảo sát cho thấy, có khoảng 30% số hộ được điều tra ở địa bàn thường xuyên qua thăm hỏi và nhận được sự viếng thăm trở lại của thân tộc bên kia biên giới. Ngoài quan hệ thân tộc và hôn nhân, người Khơ-me ở đây còn có mối quan hệ khá gần gũi với đồng tộc biên giới về văn hóa và tín ngưỡng. Gần 38% số hộ được điều tra cho biết họ thường xuyên sang giao lưu và tham dự các lễ hội tôn giáo và văn hóa lớn của đồng tộc bên kia biên giới. Trong những dịp lễ hội lớn của người Khơ-me ở địa phương như Tết năm mới (*Chol chnam thmay*) hay lễ Cúng trăng (*Ok om bok*) thường có khá nhiều người Khơ-me bên Campuchia sang tham dự và giao lưu.

Một số biểu hiện khác trong sinh hoạt văn hóa xã hội cũng cho thấy xu thế hướng tới mối quan hệ gần gũi với đồng tộc bên kia biên giới. Qua khảo sát của chúng tôi và một số báo cáo về công tác dân tộc của các cấp chính quyền địa phương cho thấy có khá nhiều người dân Khơ-me địa phương thường xuyên theo dõi các chương trình truyền hình, nghe đài phát thanh bên kia biên giới được phát 24/24 giờ hàng ngày; thậm chí, một số chùa Khơ-me còn lắp đặt ăng-ten chảo để

thu phát các chương trình truyền hình của Campuchia. Ngoài ra, việc sử dụng các loại văn hóa phẩm như băng hình và ghi âm, đĩa CD các ấn phẩm như kinh, sách, lịch... có nguồn gốc từ bên kia biên giới cũng khá phổ biến. Chính vì vậy, việc người Khơ-me am hiểu tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở bên kia biên giới hơn là ở Việt Nam là điều dễ hiểu. Qua đó, họ cũng là đối tượng bị các thế lực chính trị thù địch bên ngoài tuyên truyền. Những nhân tố nêu trên góp phần làm cho ý thức quốc gia - dân tộc của người Khơ-me ở khu vực này khá mờ nhạt. Những vấn đề trên đây cũng đã được đề cập khá chi tiết trong các nghiên cứu gần đây của Nguyễn Văn Thắng (2010) và Vương Xuân Tình (2012).

3.4. Một số tác động tiềm ẩn về chính trị từ bên ngoài

Những trình bày và phân tích ở trên cho thấy người Khơ-me vùng Nam Bộ hiện nay có mối quan hệ khá đa dạng và gần gũi với các cộng đồng thân tộc ở Campuchia và ở các nước khác, với xu hướng ngày càng gia tăng. Các mối quan hệ này một mặt phản ánh thói quen, nhu cầu tự nhiên vốn có trong lịch sử. Tuy nhiên, mặt khác, với những diễn biến phức tạp trong QHDTXQG của người Khơ-me như đã đề cập ở trên, nó cho thấy có nhiều nguy cơ tiềm ẩn - dễ bị lợi dụng cho các mục đích chính trị, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi các thế lực chính trị thù địch trong và ngoài nước đang ráo riết hoạt động, triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống lại nước ta.

Trong những năm gần đây, có hàng loạt các tổ chức của các phần tử người Khơ-me Nam Bộ lưu vong được lập ra ở Campuchia và ở các nước thứ ba nhằm kích

động chủ nghĩa ly khai ở các cộng đồng người Khơ-me Nam Bộ⁴. Điều đáng chú ý là các tổ chức này luôn nhận được sự hậu thuẫn của các đảng phái chính trị ở Campuchia. Thêm vào đó, có khá nhiều người Khơ-me Nam Bộ lưu vong có tư tưởng thù địch với nước ta đang giữ các chức vụ quan trọng trong các đảng phái chính trị và các cấp chính quyền ở nước này. Nhìn chung, các đảng phái chính trị ở Campuchia, mặc dù mâu thuẫn với nhau về quyền lợi nhưng rất nhất quán về vấn đề người Khơ-me và vùng đất Nam Bộ. Các thế lực này thường lợi dụng các vấn đề về nghèo đói, tôn giáo, tranh chấp đất đai ở của người Khơ-me Nam Bộ, khơi lại những tồn tại trong lịch sử để tuyên truyền nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa người Khơ-me với người Việt và Nhà nước ta, và kích động gây bạo loạn. Việc tuyên truyền của các thế lực này tới các cộng đồng Khơ-me Nam Bộ chủ yếu qua truyền miệng, các văn hóa phẩm và hàng loạt các đài phát thanh, truyền hình từ bên kia biên giới (Phan Đức Dư, 2001). Ngay ở Campuchia, trước mỗi dịp bầu cử, các đảng phái chính trị ở Campuchia thường lấy vấn đề người Khơ-me ở Việt Nam và vùng đất Nam Bộ để kích động tư tưởng chống lại Việt Nam trong dân chúng nhằm gây thu hút về mặt chính trị (Amer, 1997); đồng thời vận động lôi kéo người Khơ-me ở vùng biên nước ta

sang Campuchia bầu cử. Thêm vào đó, các nhóm Khơ-me lưu vong còn vận động để trở thành đại diện ở các tổ chức nhân quyền quốc tế và tổ chức của Liên hiệp quốc như *Tổ chức của con người và quốc gia phi đại diện* (Unrepresented Nations and Peoples Organization), *Diễn đàn thường kỳ của Liên hiệp quốc về vấn đề bản địa* (United Nations Permanent Forum on Indigenous Issues); qua đó, gây sức ép đối với nước ta phải cam kết thực hiện các công ước hay tuyên bố của Liên Hiệp Quốc, như về nhân quyền, quyền của người bản địa (Taylor, 2008, tr. 18-23). Trên thực tế, ngay sau cuộc biểu tình bạo động của người Khơ-me ở Sóc Trăng (8/2007), các thế lực Khơ-me lưu vong cùng với tổ chức Human Rights Watch đã biên soạn nhiều đơn thư và một báo cáo trong đó sử dụng nhiều thông tin một chiều, phi thực tế để vu cáo gây sức ép với Chính phủ và cơ quan ngoại giao nước ta (Human Rights Watch, 2009).

Nếu xâu chuỗi lại các vấn đề, chúng ta có thể thấy, dưới tác động của bối cảnh chính trị bên ngoài, QHDTXQG của người Khơ-me hiện nay có những diễn biến phức tạp đan xen, ẩn chứa nhiều nguy cơ rất khó lường. Điều này đặt ra nhiều thách thức cho việc quản lý, đảm bảo trật tự xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng Nam Bộ nói riêng và ở nước ta nói chung trước mắt cũng như về lâu dài.

4. Kết luận

Những trình bày ở trên cho thấy QHDTXQG ở người Khơ-me vùng Nam Bộ đã hiện diện từ lâu trong lịch sử. Những mối quan hệ này được tạo thành chủ yếu bởi quá trình thiên di do nhiều nguyên nhân, nhất là các biến động về chính trị, xung đột trong

⁴ Ở Mỹ, đáng chú ý là tổ chức *Khmer Kampuchia Krom Federation* (Liên bang Khơ-me Krôm Campuchia), viết tắt là KKF, có trụ sở tại Columbus, bang Ohio, Mỹ (Nguyễn Văn Thắng, 2011, tr. 19). Ở Campuchia cũng có khá nhiều tổ chức “hội”, nổi lên có 5 hội: *Hội những người Khơ-me Campuchia Krôm*, *Hội ái hữu Khơ-me Campuchia Krôm*, *Hội cứu Khơ-me Campuchia Krôm*, *Hội bảo vệ nhân quyền Khơ-me Campuchia Krôm*, *Hội sư sãi Campuchia Krôm*. Trong đó, lãnh đạo của các hội này đều là người Khơ-me Nam Bộ gốc Trà Vinh và Sóc Trăng (Phan Đức Dư, 2001, tr. 136-139).

lịch sử. Những nhân tố này cũng tạo ra sự phức tạp, đan xen trong thành phần dân cư và QHDTXQG ở người Khơ-me trong lịch sử cũng như hiện nay. Kể từ Đổi mới (1986) đến nay, dưới tác động của chính sách mở cửa hội nhập của Đảng và Nhà nước nói chung, chủ trương phát triển kinh tế vùng biên nói riêng, cùng với sự cởi mở hơn về xuất nhập cảnh, sự cải thiện phát triển không ngừng cơ sở hạ tầng về giao thông đi lại và thông tin liên lạc, các mối quan hệ QHDTXQG ở người Khơ-me đã có sự kết nối trở lại và ngày càng gia tăng cả về cường độ và quy mô, thể hiện trên tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị. Nhìn chung, ở các cộng đồng Khơ-me có hai luồng quan hệ chủ yếu có liên hệ mật thiết với nhau - quan hệ với các cộng đồng đồng tộc ở Campuchia và ở các nước khác - đặc biệt là ở các nước phương Tây. Trong đó, quan hệ về kinh tế chỉ dừng lại ở việc trợ giúp về tài chính và vật chất, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin về việc làm; không hình thành nên mạng lưới liên kết làm ăn buôn bán vốn khá phổ biến ở các cộng đồng người Hoa hay người Chăm láng giềng. Vì vậy, các mối quan hệ của người Khơ-me với đồng tộc ở nước ngoài chủ yếu dựa trên nền tảng tình cảm, văn hóa và xã hội tộc người, đặc biệt là quan hệ hôn nhân và thân tộc. Điều này thể hiện rõ nhất ở các cộng đồng Khơ-me khu vực biên giới. Trong những năm gần đây, các quan hệ trao đổi qua lại biên giới đã làm gia tăng mối quan hệ hôn nhân giữa người Khơ-me ở đây với đồng tộc ở Campuchia. Sự gia tăng trong quan hệ hôn nhân cũng kéo theo sự mở rộng trong mối quan hệ về mặt thân tộc. Cùng với quan hệ hôn nhân xuyên biên giới là tình trạng cư trú không ổn định, không rõ ràng về quốc tịch đã gây ra ít

nhều xáo trộn trong đời sống xã hội và an ninh trật tự của các cộng đồng cư dân địa phương. Sự gia tăng các mối quan hệ hôn nhân và thân tộc cùng với các mối quan hệ về văn hóa và tín ngưỡng cho thấy một bộ phận người Khơ-me nước ta có xu hướng hướng về đồng tộc bên kia biên giới, và cùng với đó là sự mờ nhạt về ý thức quốc gia dân tộc. Những diễn biến phức tạp, đan xen trong các mối quan hệ nêu trên rất dễ bị lợi dụng cho các mục đích chính trị, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi các thế lực chính trị thù địch trong và ngoài nước đang ráo riết hoạt động, triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống lại nước ta. Thực trạng này đặt ra nhiều thách thức cho việc quản lý, đảm bảo trật tự xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng Nam Bộ nói riêng và ở nước ta nói chung trước mắt cũng như về lâu dài.

Tài liệu tham khảo

1. Amer, Ramses (1997), "Border Conflicts between Cambodia and Vietnam", *IBRU Boundary and Security Bulletin Summer 1997*.
2. Phan An (2012), "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách của người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long", trong: *Một số vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Nam Bộ trong phát triển*, Vương Hoàng Trù và Phú Văn Hân (Chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 212-223.
3. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung Ương (2009), *Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả Toàn bộ*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
4. Phan Đức Dur (2001), *Những vấn đề về công tác an ninh trong cộng đồng*

người Khmer ở Việt Nam, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

5. Bùi Xuân Đính và Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Human Rights Watch (2009), “On the Margins: Rights Abuses of Ethnic Khmer in Vietnam’s Mekong Delta”, New York, Report.

7. Ngô Phương Lan (2013), “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 11-21.

8. Vũ Đình Mười (2006), “Responses of Khmer Women to Development Programs in Vietnam: A Case Study of Credit Usage in Tra Vinh Province”, Master thesis, Northern Illinois University, Dekalb, Illinois.

9. Vũ Đình Mười (2014), “Biến đổi kinh tế - xã hội của người Khơ-me từ năm 1980 đến nay: Các nghiên cứu và nhận diện ban đầu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 35-46.

10. Nguyễn Xuân Nghĩa (2003), “Đạo phật Tiểu thừa vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long: các chức năng xã hội truyền thống và những động thái xã hội hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5, tr. 25-37.

11. Schiller, G. Nina et al. (1995), “From Immigrant to Transmigrant: Transnational Migration”, *Anthropological Quarterly*, Vol. 68, No. 1, Pp. 48-63.

12. Taylor, Phillip (2007), “Poor Policies, Wealthy Peasants: Alternative

Trajectories of Rural Development in Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies*, Vol. 2, No. 2, Pp. 3-56.

13. Taylor, Philip (2008), “Minorities at Large: New Approaches to Minority Ethnicity in Vietnam”, *Journal Vietnamese Studies*, Vol. 3, Issue 3, Pp. 3-43.

14. Nguyễn Văn Thắng (2010), “Bản sắc của người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 52-58.

15. Nguyễn Văn Thắng (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc Khơ-me ở Nam Bộ*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ: *Những vấn đề cơ bản của các tộc người ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

16. Nguyễn Duy Thiệu (2003), “Nghiên cứu các tộc người ở Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á và châu Á”, trong: *Dân tộc học Việt Nam: Thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Khổng Diễn và Bùi Minh Đạo (Chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Vương Xuân Tình (2012), *Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững ở các tỉnh biên giới Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

18. Walker, Andrew (2009), “Conclusion: are the Mekong frontiers sites of exception?”, in: *On the borders of state power: frontier in the Greater Mekong Sub-region*, Martine Gainsborough, ed., Abingdon, Routledge, Pp. 101-111.